TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP.PHAN RANG-THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/DS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2023
V/v "tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bình và bà Lê Thái Thị Kim Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Việt Hùng –Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang -Tháp Chàm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phan Rang - T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Số B N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Thị Đoan T, chức danh: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh N *(Theo Giấy ủy quyền số 3270/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022)*

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phạm Ngọc V, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ chi nhánh N *(Theo Giấy ủy quyền số 75/2023/GUQ-CNNT ngày 20/6/2023)* (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Thanh D1, sinh năm: 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A đường L, khu phố A, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/10/2020, ông Phạm Thanh D1 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh N (Sau đây viết tắt là Ngân hàng S1) ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng S1 đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 20.000.000 đồng, lãi suất 2,6%/tháng, mục đích vay tiêu dùng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Phạm Thanh D1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 150.603.941 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng S1 áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Ông Phạm Thanh D1 phải chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 25 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S1, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay ông D1 đã thanh toán cho Ngân hàng S1 số tiền 133.084.082 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Phạm Thanh D1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông D1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 22/10/2022, Ngân hàng S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 30/9/2023, ông D1 còn nợ Ngân hàng các khoản: Tiền gốc: 21.042.626 đồng, tiền lãi quá hạn: 6.403.166 đồng. Tổng cộng: 27.445.792 đồng.

Do Ông Phạm Thanh D1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết theo hợp đồng tín dụng, nên Ngân hàng khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ông Phạm Thanh D1 phải trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền tính đến ngày 30/9/2023 là 27.445.792 đồng. Ông Phạm Thanh D1 có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/10/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Đối với bị đơn ông Phạm Thanh D1: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông D1 nhưng ông D1 vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đối tượng tranh chấp giữa Ngân hàng với ông Phạm Thanh D1 là hợp đồng tín dụng, mục đích vay tiền để tiêu dùng, bên vay vốn là cá nhân không có mục đích lợi nhuận. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Bị đơn cư trú ở khu phố A, phường P, TP . - T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - T theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xử lý về việc vắng mặt của bị đơn:

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Phạm Ngọc V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định pháp luật. Đối với việc vắng mặt của bị đơn: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng: Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 19/10/2020, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng S1 đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Chủ thể ký kết hợp đồng có năng lực pháp luật dân sự, hình thức, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 19/10/2020 là hợp pháp.

[2.2] Về mức lãi suất: Ngân hàng áp dụng mức lãi suất thỏa thuận trong hạn 2.6%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Xét thấy, mức lãi suất Ngân hàng S1 áp dụng để tính lãi nợ vay của ông Phạm Thanh D1 là sự thoả thuận giữa hai bên phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên chấp nhận.

[2.3] Về phí dịch vụ thẻ: Tại Điều 6 Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 về việc ban hành Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ Ngân hàng quy định:

"1. Chủ thẻ phải trả phí cho việc sử dụng dịch vụ thẻ. Loại phí và mức phí do TCPHT quy định tùy thuộc vào loại thẻ sử dụng, dịch vụ mà chủ thẻ được cung ứng khi sử dụng thẻ và không trái với quy định của pháp luật.

2. Các loại phí và mức phí khác liên quan đến dịch vụ thẻ do TCPHT, TCTTT, ĐVCNT, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán bù trừ giao dịch thẻ và tổ chức chuyển mạch thẻ phải trả hoặc được trả do các bên liên quan thoả thuận không trái với quy định của pháp luật.

3. TCPHT, TCTTT phải công bố các loại phí và mức phí cho bên phải trả phí trước khi bên phải trả phí sử dụng dịch vụ."

Như vậy, căn cứ Điều 25 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng cung cấp quy định cụ thể về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ, căn cứ các biểu phí đã được Ngân hàng niêm yết công khai tại thời điểm ký hợp đồng với bị đơn thì các loại phí do Ngân hàng S1 áp dụng đối với hợp đồng tín dụng của bị đơn đã được thoả thuận giữa hai bên phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2.4] Đối với yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc: Ngân hàng S1 đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, ông D1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 150.603.941 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông D1 đã thanh toán cho Ngân hàng S1 số tiền 133.084.082 đồng. Sau khi trừ hết các khoản phải nộp theo quy định trong quá trình sử dụng thẻ thì ông D1 còn nợ Ngân hàng S1 số tiền gốc 21.042.626 đồng.

Đối với yêu cầu thanh toán số tiền nợ lãi: Do ông D1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 22/10/2022 Ngân hàng S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 21.042.626 đồng (150% lãi suất trong hạn theo Điều 1.24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 30/9/2023, số tiền lãi quá hạn: 6.403.166 đồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn"*.

Căn cứ khoản 3 Điều 6 và khoản 2 Điều 22 của Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng quy định về phí dịch vụ thẻ ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định như sau: *"Tổ chức phát hành thẻ, tổ chức thanh toán thẻ phải công bố các loại phí và mức phí cho bên phải trả phí trước khi bên phải trả phí sử dụng dịch vụ"* và quy định nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: *"Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ"*.

Xét điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S1 quy định tại Điều 18 về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ.

Xét việc Ngân hàng S1 đã áp dụng mức lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và cách tính các khoản lãi dựa vào các thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng đối với khách hàng là phù hợp các quy định của Ngân hàng N1 về việc cho vay của tổ chức tín dụng thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S1 buộc ông Phạm Thanh D1 trả nợ đối với số tiền tính đến ngày 30/9/2023 số tiền:

27.445.792 đồng (trong đó tiền gốc: 21.042.626 đồng, tiền lãi quá hạn: 6.403.166 đồng) và khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 01/10/2023 trên số nợ gốc theo lãi suất hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả dứt nợ vay.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 398, Điều 463, 466, 468 và Điều 470, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc ông Phạm Thanh D1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 19/10/2020, tính đến ngày 30/9/2023 số tiền: 27.445.792 đồng (Hai mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng).Trong đó: Nợ gốc 21.042.626 (Hai mươi mốt triệu không trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm hai mươi sáu đồng) và số tiền lãi là 6.403.166 đồng (Sáu triệu bốn trăm lẻ ba nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Phạm Thanh D1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Ông Phạm Thanh D1 phải chịu 1.372.289 đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm tám mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 632.000 đồng (Sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - T theo biên lai thu số 0005476 ngày 23 tháng 6 năm 2023.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện của nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TPPRTC;
- CCTHADS TP.PR-TC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Xuân Hùng